

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 16 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy, đợt 1 năm 2026 của Trường Du lịch - Đại học Huế và Biên bản bổ sung cuộc họp ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy, đợt 1 năm 2026 của Trường Du lịch - Đại học Huế;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường Du lịch - Đại học Huế và Trưởng Ban Đào tạo và Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân hệ chính quy cho **338** (**Ba trăm ba mươi tám**) sinh viên, đợt 1 năm 2026 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Đại học Huế; Trưởng Ban Đào tạo và Công tác sinh viên; Hiệu trưởng Trường Du lịch - Đại học Huế và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Q. Giám đốc (để b/c)
- Lưu: VT, ĐTCTSV. LTBD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Đăng Hòa

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC HUẾ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHH ngày tháng 8 năm 2026
của Giám đốc Đại học Huế)

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (trước ngày 01/7/2025)	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại
Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, khóa 2018 - 2022								
1	1	18D4011218	Nguyễn Đình Huy	13/4/2000	Huế	Nam	2,62	Khá
Ngành Quản trị khách sạn, khóa 2018 - 2022								
2	1	18D4051277	Trần Thị Thảo Tiên	22/4/2000	Huế	Nữ	2,96	Khá
3	2	18D4051291	Lê Thị Ngọc Trâm	06/5/2000	Quảng Trị	Nữ	2,77	Khá
Ngành Du lịch, khóa 2019 - 2023								
4	1	19D4041304	Trần Hoài Phong	04/10/2001	Huế	Nam	2,87	Khá
5	2	19D4041439	Arát Thị Trinh	18/9/2001	Quảng Nam	Nữ	2,98	Khá
6	3	19D4041503	Lê Đình Luân	12/11/2000	Hồ Chí Minh	Nam	2,81	Khá
Ngành Du lịch điện tử, khóa 2019 - 2023								
7	1	19D4071027	Phan Đình Quân	03/7/2001	Quảng Trị	Nam	3,49	Giỏi
Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, khóa 2019 - 2023								
8	1	19D4011341	Trần Văn Minh	29/9/2001	Huế	Nam	3,06	Khá
9	2	19D4011672	Nguyễn Thị Huyền Trang	10/8/2001	Quảng Bình	Nữ	3,18	Khá
Ngành Quản trị khách sạn, khóa 2019 - 2023								
10	1	19D4051104	Lý Thái Hào	08/12/2001	Huế	Nam	2,99	Khá

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (trước ngày 01/7/2025)	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại
11	2	19D4051543	Nguyễn Thị Mai Trinh	02/4/2001	Quảng Nam	Nữ	3,19	Khá
Ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, khóa 2019 - 2023								
12	1	19D4061132	Ngô Thị Khánh Vân	01/9/2001	Huế	Nữ	3,24	Giỏi
Ngành Du lịch, khóa 2020 - 2024								
13	1	20D4040056	Trương Hữu Phúc Nguyên	15/7/2002	Huế	Nam	2,77	Khá
14	2	20D4040156	Huỳnh Tâm Đức	08/9/2002	Bạc Liêu	Nam	2,54	Khá
15	3	20D4040263	Đặng Nguyễn Hoàng Long	01/7/2002	Quảng Trị	Nam	2,45	Trung bình
Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, khóa 2020 - 2024								
16	1	20D4010046	Võ Hương Giang	26/01/2002	Huế	Nữ	2,82	Khá
17	2	20D4010116	Trần Thị Hồng Liên	25/11/2002	Gia Lai	Nữ	3,14	Khá
18	3	20D4010160	Nguyễn Hồng Ngọc	08/01/2002	Kon Tum	Nữ	2,88	Khá
19	4	20D4010163	Hoàng Đỗ Hoài Ngọc	25/6/2001	Huế	Nữ	2,71	Khá
20	5	20D4010164	Lê Minh Thảo Ngọc	04/9/2002	Huế	Nữ	2,67	Khá
21	6	20D4010179	Lê Uyên Nhi	05/8/2002	Huế	Nữ	3,13	Khá
22	7	20D4010327	Trần Nguyễn Thảo Anh	20/6/2002	Hòa Bình	Nữ	2,72	Khá
23	8	20D4010433	Nguyễn Út Duyên	06/3/2002	Quảng Nam	Nữ	2,98	Khá
24	9	20D4010508	Nguyễn Trần Nhật Hoá	28/02/2002	Huế	Nam	2,76	Khá
25	10	20D4010760	Lê Xuân Khánh Như	04/12/2002	Huế	Nữ	2,74	Khá
Ngành Quản trị du lịch và khách sạn, khóa 2020 - 2024								
26	1	20D4080005	Nguyễn Thị Thu Hiền	17/4/2002	Huế	Nữ	3,67	Xuất sắc

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (trước ngày 01/7/2025)	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại
27	2	20D4080072	Lê Thị Lộc	04/02/2001	Nghệ An	Nữ	3,31	Giỏi
Ngành Quản trị khách sạn, khóa 2020 - 2024								
28	1	20D4050199	Đinh Thị Thanh Trà	26/6/2002	Nghệ An	Nữ	3,36	Giỏi
29	2	20D4050328	Nguyễn Hoàng Kim Hào	17/12/2002	Hà Tĩnh	Nữ	3,29	Giỏi
30	3	20D4050510	Phạm Thị Hồng Nhung	25/5/2002	Hà Tĩnh	Nữ	3,18	Khá
31	4	20D4050652	Hà Thị Thùy Trinh	20/6/2002	Huế	Nữ	2,96	Khá
32	5	20D4050675	Lưu Thị Thanh Uyên	03/3/2002	Quảng Nam	Nữ	3,60	Xuất sắc
Ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, khóa 2020 - 2024								
33	1	20D4060062	Lê Thị Phương Uyên	09/9/2002	Huế	Nữ	3,12	Khá
34	2	20D4060085	Trần Nguyễn Đức Đạt	29/3/2002	Huế	Nam	2,96	Khá
35	3	20D4060126	Hoàng Văn Kiên	13/9/2002	Thanh Hóa	Nam	3,42	Giỏi
36	4	20D4060127	Nguyễn Xuân Kiệt	24/7/2002	Huế	Nam	2,90	Khá
37	5	20D4060221	Nguyễn Văn Việt Trường	10/12/2002	Huế	Nam	3,00	Khá
Ngành Du lịch, khóa 2021 - 2025								
38	1	21D4040026	Nguyễn Thị Yến Nhi	12/8/2003	Quảng Trị	Nữ	2,67	Khá
39	2	21D4040088	Thiều Nhật Hoàng	20/7/2003	Hà Tĩnh	Nam	2,81	Khá
Ngành Du lịch điện tử, khóa 2021 - 2025								
40	1	21D4070026	Phạm Tấn Quân	09/7/2003	Huế	Nam	3,11	Khá
41	2	21D4070031	Đặng Nguyễn Anh Tú	10/12/2003	Huế	Nam	2,48	Trung bình
Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, khóa 2021 - 2025								

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (trước ngày 01/7/2025)	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại
42	1	21D4010004	Lê Thị Ngọc	Anh	06/02/2003	Huế	Nữ	3,49	Giỏi
43	2	21D4010008	Huỳnh Thị Bạch	Dương	19/10/2003	Huế	Nữ	2,90	Khá
44	3	21D4010015	Trương Như	Hiền	29/4/2003	Quảng Trị	Nữ	2,97	Khá
45	4	21D4010023	Lê Ngọc Phi	Long	31/01/2003	Huế	Nam	2,93	Khá
46	5	21D4010036	Trần Đăng Bảo	Nhi	07/5/2003	Huế	Nữ	3,28	Giỏi
47	6	21D4010043	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	03/01/2003	Huế	Nữ	2,83	Khá
48	7	21D4010063	Trần Văn	Sang	27/11/2003	Huế	Nam	3,04	Khá
49	8	21D4010082	Trương Cảnh Quốc	Trung	19/02/2003	Huế	Nam	2,76	Khá
50	9	21D4010086	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	18/11/2003	Huế	Nữ	2,92	Khá
51	10	21D4010104	Lâm Thị Bích	Ngọc	10/9/2003	Quảng Nam	Nữ	3,26	Giỏi
52	11	21D4010106	Lê Thị Yến	Nhi	13/12/2003	Quảng Bình	Nữ	3,08	Khá
53	12	21D4010131	Vi Long	An	05/6/2003	Nghệ An	Nam	3,28	Giỏi
54	13	21D4010153	Võ Thị Kim	Ánh	28/8/2003	Huế	Nữ	3,74	Xuất sắc
55	14	21D4010179	Trần Văn	Cường	07/7/2003	Huế	Nam	2,66	Khá
56	15	21D4010265	Hồ Thị Thu	Hương	21/4/2003	Huế	Nữ	3,39	Giỏi
57	16	21D4010280	Hán Duy	Khánh	17/10/2003	Hồ Chí Minh	Nam	2,69	Khá
58	17	21D4010287	Nguyễn Thị	Kiều	27/7/2003	Huế	Nữ	3,52	Giỏi
59	18	21D4010334	Lê Văn	Lợi	02/7/2003	Quảng Bình	Nam	3,25	Giỏi
60	19	21D4010361	Nguyễn Thành	Nam	14/5/2003	Huế	Nam	3,32	Giỏi
61	20	21D4010368	Trần Nữ Kim	Ngân	09/6/2003	Huế	Nữ	2,67	Khá

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (trước ngày 01/7/2025)	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại
62	21	21D4010579	Nguyễn Thị Thanh Trúc	04/7/2003	Gia Lai	Nữ	3,07	Khá
63	22	21D4010606	Hồ Ngọc Vũ	06/10/2003	Quảng Trị	Nam	3,61	Xuất sắc
	Ngành Quản trị du lịch và khách sạn, khóa 2021 - 2025							
64	1	21D4080002	Dương Thị Diệu	24/5/2003	Quảng Bình	Nữ	3,54	Giỏi
65	2	21D4080042	Phan Dương Trung Nguyên	03/02/2003	Huế	Nam	3,69	Xuất sắc
66	3	21D4080068	Nguyễn Phước Thịnh	18/02/2003	Huế	Nam	3,10	Khá
	Ngành Quản trị khách sạn, khóa 2021 - 2025							
67	1	21D4050082	Nguyễn Thị Nhật Hạ	10/12/2003	Huế	Nữ	2,97	Khá
68	2	21D4050096	Trần Thị Phương Thủy	07/9/2003	Huế	Nữ	2,77	Khá
69	3	21D4050103	Nguyễn Thục Uyên	24/7/2003	Kiên Giang	Nữ	2,83	Khá
70	4	21D4050185	Trần Thị Hằng	30/7/2003	Đồng Nai	Nữ	3,16	Khá
71	5	21D4050246	Nguyễn Trần Song Linh	07/02/2003	Hà Nội	Nữ	2,74	Khá
72	6	21D4050315	Lê Thị Thùy Nhiên	18/4/2003	Huế	Nữ	3,39	Khá
73	7	21D4050403	Tôn Thất Nhật Thanh	24/3/2003	Huế	Nam	2,90	Khá
74	8	21D4050448	Đặng Văn Tình	30/6/2003	Hà Tĩnh	Nam	3,34	Giỏi
75	9	21D4050513	Trần Thị Như Ý	13/7/2003	Huế	Nữ	2,45	Trung bình
76	10	21D4050519	Lê Đình Đức	16/12/2003	Huế	Nam	2,98	Khá
	Ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, khóa 2021 - 2025							
77	1	21D4060216	Ngô Thị Thu Thùy	20/4/2003	Đắk Lắk	Nữ	2,92	Khá
	Ngành Quản trị kinh doanh, khóa 2022 - 2026							

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (trước ngày 01/7/2025)	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại
78	1	22D4020005	Trần Gia Cát	Châu	01/10/2004	Huế	Nữ	2,67	Khá
79	2	22D4020010	Lê Thị Hương	Giang	07/4/2004	Huế	Nữ	3,33	Giỏi
80	3	22D4020015	Huyền Thị Kim	Hạnh	04/01/2004	Huế	Nữ	2,77	Khá
81	4	22D4020019	Nguyễn Thị Thu	Hiền	29/02/2004	Quảng Nam	Nữ	3,46	Giỏi
82	5	22D4020020	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	30/8/2004	Huế	Nữ	3,33	Giỏi
83	6	22D4020024	Hồ Thị Thu	Hương	16/8/2003	Huế	Nữ	3,23	Giỏi
84	7	22D4020029	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	20/12/2004	Đắk Lắk	Nữ	2,72	Khá
85	8	22D4020032	Võ Tạ Bích	Loan	14/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	2,87	Khá
86	9	22D4020035	Lê Thị Phương	Ly	09/6/2004	Quảng Nam	Nữ	2,85	Khá
87	10	22D4020043	Phan Thị Thanh	Nga	07/5/2004	Huế	Nữ	2,89	Khá
88	11	22D4020051	Nguyễn Thị Phương	Nhung	11/7/2004	Quảng Nam	Nữ	3,10	Khá
89	12	22D4020062	Hoàng Thị Như	Quỳnh	29/5/2004	Huế	Nữ	3,10	Khá
90	13	22D4020064	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	12/6/2004	Huế	Nữ	2,92	Khá
91	14	22D4020067	Giang Văn	Sửu	29/8/2004	Huế	Nam	2,75	Khá
92	15	22D4020071	Đào Thị Thu	Thảo	16/11/2004	Huế	Nữ	3,46	Giỏi
93	16	22D4020088	Đỗ Ngọc Minh	Châu	06/10/2004	Quảng Ngãi	Nữ	3,13	Khá
94	17	22D4020089	Cái Nữ Quỳnh	Chi	20/4/2004	Huế	Nữ	2,58	Khá
95	18	22D4020093	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	05/6/2004	Quảng Nam	Nữ	3,04	Khá
96	19	22D4020094	Võ Thị Quỳnh	Giang	20/7/2004	Quảng Bình	Nữ	3,32	Giỏi
97	20	22D4020096	Đặng Văn	Hoài	26/3/2002	Huế	Nam	3,03	Khá

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (trước ngày 01/7/2025)	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại
98	21	22D4020097	Huỳnh Hồ Mai Lê	01/11/2004	Huế	Nữ	3,39	Giỏi
99	22	22D4020099	Nguyễn Thị Như	23/01/2004	Quảng Trị	Nữ	3,41	Giỏi
100	23	22D4020103	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	18/12/2004	Huế	Nữ	3,68	Xuất sắc
101	24	22D4020104	Trần Thị Thanh Thủy	18/10/2004	Đà Nẵng	Nữ	3,76	Xuất sắc
102	25	22D4020106	Trần Bình Trị	24/12/2003	Quảng Nam	Nam	3,68	Xuất sắc
103	26	22D4020108	Nguyễn Trần Tường Vi	19/9/2004	Huế	Nữ	3,55	Giỏi
Ngành Du lịch, khóa 2022 - 2026								
104	1	22D4040005	Nguyễn Hoàng Anh	26/12/2004	Huế	Nữ	2,45	Trung bình
105	2	22D4040006	Ngân Phương Thế Anh	22/5/2004	Huế	Nữ	3,01	Khá
106	3	22D4040011	Phan Thị Thanh Châu	10/02/2004	Huế	Nữ	2,96	Khá
107	4	22D4040013	Trần Thị Xuân Cúc	27/01/2004	Huế	Nữ	3,22	Giỏi
108	5	22D4040015	Nguyễn Quốc Đạt	01/3/2004	Quảng Ngãi	Nam	2,81	Khá
109	6	22D4040018	Võ Thị Mỹ Duyên	30/7/2004	Quảng Trị	Nữ	2,84	Khá
110	7	22D4040021	Đặng Hữu Giáp	08/02/2004	Nghệ An	Nam	3,66	Xuất sắc
111	8	22D4040023	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	24/4/2003	Huế	Nữ	2,58	Khá
112	9	22D4040042	Nguyễn Thùy Nga	15/10/2004	Huế	Nữ	2,82	Khá
113	10	22D4040052	Trần Thị Ny	24/02/2004	Huế	Nữ	2,83	Khá
114	11	22D4040056	Hồ Thị Ngọc Phương	14/5/2004	Đà Nẵng	Nữ	3,06	Khá
115	12	22D4040089	Trần Thanh Trúc	16/3/2004	Nghệ An	Nữ	3,00	Khá
116	13	22D4040091	Lê Thị Cẩm Tú	05/12/2004	Gia Lai	Nữ	3,05	Khá

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (trước ngày 01/7/2025)	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại
117	14	22D4040094	Nguyễn Viết Chí	Tường	11/8/2004	Huế	Nam	3,19	Khá
118	15	22D4040095	Lê Trần Phương	Uyên	26/4/2004	Huế	Nữ	2,55	Khá
119	16	22D4040097	Tôn Nữ Thùy	Vân	28/6/2004	Huế	Nữ	2,89	Khá
120	17	22D4040101	Phạm Thị Thu	Yến	05/6/2003	Nghệ An	Nữ	3,82	Xuất sắc
121	18	22D4040107	Lưu Thế	Dân	04/01/2002	Huế	Nam	2,98	Khá
122	19	22D4040109	Nguyễn Thuỳ	Dương	06/10/2004	Quảng Bình	Nữ	2,62	Khá
123	20	22D4040114	Nguyễn Thị Thu	Lan	31/10/2004	Quảng Bình	Nữ	3,81	Xuất sắc
124	21	22D4040117	Dương Vy	Linh	20/7/2004	Đà Nẵng	Nữ	2,88	Khá
125	22	22D4040120	Lê Trương Hồng	Linh	03/5/2004	Quảng Trị	Nữ	3,29	Giỏi
126	23	22D4040121	Nguyễn Khánh	Linh	19/01/2004	Huế	Nữ	2,96	Khá
127	24	22D4040129	Trần Đăng Kiều	Oanh	08/10/2004	Hà Tĩnh	Nữ	3,73	Xuất sắc
128	25	22D4040131	Trần Thị	Phượng	09/12/2004	Hà Tĩnh	Nữ	3,96	Xuất sắc
129	26	22D4040138	Trần Thị Như	Thủy	05/10/2004	Huế	Nữ	3,02	Khá
Ngành Du lịch điện tử, khóa 2022 - 2026									
130	1	22D4070001	Trần Thị Phương	Hằng	15/7/2004	Huế	Nữ	3,42	Giỏi
131	2	22D4070002	Lê Đức	Hoà	29/5/2004	Huế	Nam	2,94	Khá
132	3	22D4070004	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	25/01/2004	Hà Tĩnh	Nữ	2,84	Khá
133	4	22D4070005	Nguyễn Thị	Mến	15/12/2004	Huế	Nữ	3,03	Khá
134	5	22D4070006	Nguyễn Thị Khánh	Trâm	15/10/2003	Huế	Nữ	3,17	Khá
135	6	22D4070008	Nguyễn Hoàng Bảo	Châu	28/7/2004	Huế	Nữ	3,06	Khá

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (trước ngày 01/7/2025)	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại
136	7	22D4070009	Trần Ngọc Đăng	07/11/2003	Huế	Nam	3,22	Giỏi
137	8	22D4070010	Nguyễn Tất Thành Đạt	23/8/2004	Nghệ An	Nam	2,96	Khá
138	9	22D4070014	Đặng Hồ Ngọc Nhi	02/10/2004	Huế	Nữ	3,08	Khá
139	10	22D4070019	Nguyễn Đăng Trí	16/8/2004	Kon Tum	Nam	3,21	Giỏi
Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, khóa 2022 - 2026								
140	1	22D4010001	Nguyễn Thị Ái	16/01/2004	Quảng Trị	Nữ	3,46	Giỏi
141	2	22D4010002	Cao Thị Thu An	22/7/2004	Huế	Nữ	3,11	Khá
142	3	22D4010016	Phan Thị Hà Châu	15/9/2004	Quảng Bình	Nữ	3,34	Giỏi
143	4	22D4010017	Văn Thị Quỳnh Chi	01/10/2004	Huế	Nữ	3,45	Giỏi
144	5	22D4010019	Lê Linh Chi	13/4/2004	Quảng Trị	Nữ	2,64	Khá
145	6	22D4010020	Hồ Tùng Chi	06/12/2004	Huế	Nữ	2,68	Khá
146	7	22D4010023	Lê Hùng Cường	21/8/2003	Huế	Nam	3,05	Khá
147	8	22D4010025	Phạm Thị Quỳnh Dư	25/8/2004	Quảng Trị	Nữ	3,61	Xuất sắc
148	9	22D4010029	Phạm Thị Thuý Dương	17/8/2004	Quảng Trị	Nữ	3,69	Xuất sắc
149	10	22D4010032	Hồ Thị Duyên	16/6/2004	Hà Tĩnh	Nữ	3,46	Giỏi
150	11	22D4010033	Phạm Hương Giang	27/8/2004	Quảng Bình	Nữ	3,35	Giỏi
151	12	22D4010035	Hoàng Thị Hương Giang	04/3/2004	Huế	Nữ	3,10	Khá
152	13	22D4010038	Nguyễn Hoàng Nam Hà	13/12/2004	Huế	Nữ	3,09	Khá
153	14	22D4010041	Trần Hải	03/7/2004	Quảng Nam	Nam	3,18	Khá
154	15	22D4010042	Huỳnh Thị Hằng	10/11/2004	Quảng Nam	Nữ	3,63	Xuất sắc

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (trước ngày 01/7/2025)	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại
155	16	22D4010046	Võ Hồng Hạnh	12/12/2004	Quảng Nam	Nữ	3,02	Khá
156	17	22D4010047	Nguyễn Minh Hào	07/4/2004	Huế	Nam	3,18	Khá
157	18	22D4010048	Hoàng Trọng Hào	03/3/2004	Huế	Nam	3,61	Xuất sắc
158	19	22D4010059	Trần Thị Phụng Hồng	21/3/2004	Huế	Nữ	3,43	Giỏi
159	20	22D4010071	Bùi Thu Huyền	26/7/2004	Huế	Nữ	2,55	Khá
160	21	22D4010078	Võ Thị Kim Lành	19/02/2001	Huế	Nữ	3,68	Xuất sắc
161	22	22D4010079	Lê Thị Kiều Linh	14/4/2004	Huế	Nữ	3,30	Giỏi
162	23	22D4010085	Hoàng Thị Su Ly	17/11/2004	Huế	Nữ	3,45	Giỏi
163	24	22D4010088	Nguyễn Thị Mai	11/02/2004	Hà Tĩnh	Nữ	3,73	Xuất sắc
164	25	22D4010089	Nguyễn Tống Họa Mi	21/6/2004	Đà Nẵng	Nữ	3,12	Khá
165	26	22D4010091	Ngô Thuỳ Minh	23/9/2004	Huế	Nữ	3,21	Giỏi
166	27	22D4010093	Nguyễn Thị Tuyết Minh	23/5/2004	Quảng Bình	Nữ	3,55	Giỏi
167	28	22D4010096	Trần Thị Thuỳ My	23/6/2004	Bình Phước	Nữ	3,53	Giỏi
168	29	22D4010097	Lê Thảo My	31/8/2004	Huế	Nữ	2,89	Khá
169	30	22D4010098	Đặng Thị Xuân Na	20/10/2003	Huế	Nữ	2,87	Khá
170	31	22D4010100	Hoàng Thị Thu Ngân	24/3/2004	Huế	Nữ	3,11	Khá
171	32	22D4010102	Phan Văn Nghĩa	01/3/2004	Hà Tĩnh	Nam	2,48	Trung bình
172	33	22D4010103	Phạm Thị Ngoan	21/5/2004	Quảng Bình	Nữ	3,40	Giỏi
173	34	22D4010104	Ngô Thị Ngoan	19/8/2004	Thanh Hóa	Nữ	3,05	Khá
174	35	22D4010105	Dương Thị Bích Ngọc	22/5/2004	Huế	Nữ	3,04	Khá

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (trước ngày 01/7/2025)	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại
175	36	22D4010111	Võ Thị Thu Nguyệt	29/01/2004	Bình Định	Nữ	3,04	Khá
176	37	22D4010113	Nguyễn Thị Nguyệt	25/6/2004	Hà Tĩnh	Nữ	3,21	Giỏi
177	38	22D4010115	Lý Nguyễn Thanh Nhã	13/10/2004	Huế	Nữ	3,01	Khá
178	39	22D4010122	Phan Thị Yên Nhi	03/9/2004	Huế	Nữ	2,59	Khá
179	40	22D4010126	Trần Thị Yên Nhi	02/5/2004	Quảng Nam	Nữ	2,96	Khá
180	41	22D4010128	Nguyễn Khánh Nhi	26/12/2004	Huế	Nữ	2,91	Khá
181	42	22D4010132	Nguyễn Yên Nhi	04/4/2004	Gia Lai	Nữ	2,93	Khá
182	43	22D4010134	Nguyễn Ngọc Nhi	24/7/2004	Quảng Bình	Nữ	3,61	Xuất sắc
183	44	22D4010135	Trần Thị Thu Nhở	03/12/2004	Quảng Trị	Nữ	3,28	Giỏi
184	45	22D4010137	Kim Thị Hồng Nhung	13/6/2004	Huế	Nữ	3,72	Xuất sắc
185	46	22D4010141	Lê Thị Kim Phụng	27/7/2004	Huế	Nữ	3,82	Xuất sắc
186	47	22D4010144	Nguyễn Tất Phước	09/6/2004	Huế	Nam	2,96	Khá
187	48	22D4010149	Nguyễn Bảo Quang	27/02/2003	Huế	Nam	2,35	Trung bình
188	49	22D4010151	Võ Ngọc Quang	19/5/2004	Quảng Nam	Nam	2,61	Khá
189	50	22D4010154	Phan Thị Thuý Quyên	26/10/2004	Huế	Nữ	2,96	Khá
190	51	22D4010156	Nguyễn Thị Khánh Quỳnh	03/02/2004	Huế	Nữ	3,04	Khá
191	52	22D4010157	Đặng Thị Quỳnh	22/7/2003	Huế	Nữ	3,30	Giỏi
192	53	22D4010159	Phan Thị Diễm Quỳnh	29/3/2004	Hà Tĩnh	Nữ	2,69	Khá
193	54	22D4010167	Lê Thị Thu Tâm	28/4/2004	Huế	Nữ	3,47	Giỏi
194	55	22D4010172	Nguyễn Tuấn Thành	07/8/2004	Huế	Nam	2,55	Khá

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (trước ngày 01/7/2025)	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại
195	56	22D4010175	Hồ Lê Nguyên Thảo	11/01/2004	Quảng Trị	Nữ	2,95	Khá
196	57	22D4010184	Huỳnh Thị Hoài Thu	19/10/2004	Huế	Nữ	2,86	Khá
197	58	22D4010189	Châu Thị Minh Thư	03/3/2004	Huế	Nữ	3,42	Giỏi
198	59	22D4010192	Trần Thị Thương	05/01/2004	Quảng Trị	Nữ	3,13	Khá
199	60	22D4010193	Trần Thị Mỹ Thủy	21/02/2004	Huế	Nữ	2,68	Khá
200	61	22D4010195	Lê Thị Thúy	03/02/2004	Huế	Nữ	3,17	Khá
201	62	22D4010212	Từ Nữ Tuyết Trinh	21/7/2004	Quảng Trị	Nữ	3,22	Giỏi
202	63	22D4010213	Hoàng Ngọc Thanh Trúc	02/3/2004	Huế	Nữ	2,95	Khá
203	64	22D4010216	Mai Văn Tuấn	13/01/2004	Huế	Nam	3,17	Khá
204	65	22D4010218	Phan Cảnh Tuệ	21/5/2004	Huế	Nam	3,02	Khá
205	66	22D4010220	Trần Thị Mỹ Ty	22/6/2004	Huế	Nữ	3,42	Giỏi
206	67	22D4010223	Huỳnh Nguyễn Quang Vinh	08/5/2004	Huế	Nam	3,01	Khá
207	68	22D4010224	Phạm Văn Vũ	31/7/2004	Quảng Nam	Nam	2,87	Khá
208	69	22D4010226	Nguyễn Thị Thảo Vy	26/7/2004	Quảng Nam	Nữ	3,36	Giỏi
209	70	22D4010233	Nguyễn Thị Thanh An	30/6/2004	Huế	Nữ	3,39	Giỏi
210	71	22D4010235	Lê Ngô Trâm Anh	18/11/2004	Huế	Nữ	2,96	Khá
211	72	22D4010236	Lê Thị Ngọc Ánh	04/5/2004	Huế	Nữ	3,09	Khá
212	73	22D4010237	Lương Thị Ngọc Ánh	10/01/2004	Thanh Hóa	Nữ	3,13	Khá
213	74	22D4010239	Nguyễn Thị Thuý Bình	02/7/2004	Huế	Nữ	3,62	Xuất sắc
214	75	22D4010250	Nguyễn Ngọc Hải	31/10/2003	Huế	Nam	3,16	Khá

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (trước ngày 01/7/2025)	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại
215	76	22D4010252	Lê Đình Hậu	02/8/2003	Huế	Nam	2,72	Khá
216	77	22D4010254	Châu Thị Dáng Hương	15/02/2003	Huế	Nữ	2,83	Khá
217	78	22D4010257	Lê Thị Thanh Huyền	25/4/2004	Huế	Nữ	3,15	Khá
218	79	22D4010260	Lê Vĩnh Trung Kiên	21/02/2004	Huế	Nam	3,30	Giỏi
219	80	22D4010263	Trần Thị Thuỳ Linh	13/01/2004	Quảng Bình	Nữ	3,29	Giỏi
220	81	22D4010264	Nguyễn Thị Ánh Linh	08/01/2004	Huế	Nữ	2,88	Khá
221	82	22D4010265	Võ Thị Linh	15/8/2004	Hà Tĩnh	Nữ	3,37	Giỏi
222	83	22D4010268	Đinh Thị Vân Ly	30/01/2004	Quảng Bình	Nữ	3,01	Khá
223	84	22D4010270	Nguyễn Thuý Diệu Lý	29/7/2004	Quảng Bình	Nữ	2,92	Khá
224	85	22D4010273	Trần Thị Bích Mi	09/7/2004	Huế	Nữ	2,96	Khá
225	86	22D4010274	Vương Nguyễn Nhật Minh	24/9/2004	Huế	Nam	3,33	Giỏi
226	87	22D4010277	Đinh Thị Trà My	31/5/2004	Huế	Nữ	3,36	Giỏi
227	88	22D4010278	Ngô Thị My Na	08/3/2004	Huế	Nữ	3,37	Giỏi
228	89	22D4010280	Phạm Thị Kim Ngân	03/5/2004	Đắk Lắk	Nữ	3,04	Khá
229	90	22D4010281	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	03/02/2003	Quảng Trị	Nữ	3,55	Giỏi
230	91	22D4010282	Huỳnh Nam Nghi	29/7/2004	Huế	Nữ	3,10	Khá
231	92	22D4010284	Lê Thị Ý Nhi	22/3/2004	Huế	Nữ	2,63	Khá
232	93	22D4010285	Lê Thị Yến Nhi	17/02/2004	Quảng Trị	Nữ	3,50	Giỏi
233	94	22D4010286	Phan Thị Quỳnh Nhi	19/01/2004	Huế	Nữ	3,42	Giỏi
234	95	22D4010289	Bùi Thị Quỳnh Như	24/4/2004	Huế	Nữ	3,73	Xuất sắc

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (trước ngày 01/7/2025)	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại
235	96	22D4010290	Trần Thị Quỳnh	Như	11/10/2004	Huế	Nữ	3,32	Giỏi
236	97	22D4010295	Trần Thị Kiều	Oanh	24/02/2004	Huế	Nữ	2,87	Khá
237	98	22D4010298	Trần Nguyễn Ngọc	Phương	03/4/2004	Quảng Nam	Nữ	3,52	Giỏi
238	99	22D4010300	Đặng Thị Mỹ	Phương	15/5/2004	Huế	Nữ	3,17	Khá
239	100	22D4010301	Hà Thị Hồng	Phượng	26/9/2004	Quảng Nam	Nữ	3,61	Xuất sắc
240	101	22D4010302	Nguyễn Anh	Quân	08/7/2003	Huế	Nam	2,75	Khá
241	102	22D4010304	Hồ Thị Diễm	Quỳnh	25/8/2004	Huế	Nữ	3,57	Giỏi
242	103	22D4010307	Lê Thị Tuyết	Sương	26/9/2004	Huế	Nữ	2,96	Khá
243	104	22D4010309	Đào Thị Minh	Tâm	28/02/2004	Huế	Nữ	3,25	Giỏi
244	105	22D4010310	Trần Thị Thanh	Tâm	20/5/2004	Quảng Nam	Nữ	3,39	Giỏi
245	106	22D4010314	Phạm Trần Phương	Thảo	20/11/2004	Quảng Bình	Nữ	3,32	Giỏi
246	107	22D4010316	Nguyễn Thị Trang	Thi	30/4/2004	Huế	Nữ	2,57	Khá
247	108	22D4010317	Phạm Thị	Thom	18/02/2004	Thanh Hóa	Nữ	3,36	Giỏi
248	109	22D4010318	Nguyễn Mai Anh	Thư	30/5/2004	Huế	Nữ	3,27	Giỏi
249	110	22D4010319	Hoàng Ngọc Anh	Thư	18/12/2004	Huế	Nữ	2,64	Khá
250	111	22D4010323	Lê Thị Cẩm	Tiên	18/02/2004	Huế	Nữ	2,81	Khá
251	112	22D4010324	Trương Thị Thuý	Tiên	30/01/2004	Huế	Nữ	3,14	Khá
252	113	22D4010325	Huỳnh Thị Mỹ	Tiên	03/9/2004	Huế	Nữ	3,44	Giỏi
253	114	22D4010326	Bùi Viết	Toàn	26/11/2004	Quảng Bình	Nam	2,97	Khá
254	115	22D4010327	Lê Thị Mai	Trâm	15/12/2004	Huế	Nữ	3,15	Khá

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (trước ngày 01/7/2025)	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại
255	116	22D4010329	Nguyễn Phương Trang	23/8/2004	Huế	Nữ	2,92	Khá
256	117	22D4010330	Nguyễn Ngọc Thảo Trang	21/8/2004	Huế	Nữ	2,82	Khá
257	118	22D4010332	Nguyễn Thị Thanh Tú	25/6/2004	Quảng Nam	Nữ	3,61	Xuất sắc
258	119	22D4010335	Nguyễn Thị Thuý Vân	20/01/2004	Quảng Nam	Nữ	3,39	Giỏi
259	120	22D4010337	Phan Thị Thảo Vy	01/01/2004	Huế	Nữ	3,29	Giỏi
260	121	22D4010339	Trần Nhật Tường Vy	24/5/2004	Huế	Nữ	3,14	Khá
261	122	22D4010340	Nguyễn Thị Như Ý	23/12/2004	Huế	Nữ	3,03	Khá
262	123	22D4010371	Đặng Thị Mỹ Hoài	08/02/2004	Huế	Nữ	3,25	Giỏi
263	124	22D4010378	Lâm Thị Kiều Oanh	10/4/2004	Huế	Nữ	2,82	Khá
Ngành Quản trị du lịch và khách sạn, khóa 2022 - 2026								
264	1	22D4080004	Đoàn Thị Kim Chi	26/3/2004	Huế	Nữ	3,80	Xuất sắc
265	2	22D4080007	Hồ Thị Thuý Dương	26/5/2004	Huế	Nữ	3,50	Giỏi
266	3	22D4080014	Nguyễn Thị Thanh Hoa	26/01/2003	Huế	Nữ	3,22	Giỏi
267	4	22D4080020	Huỳnh Thị Mỹ Lành	19/9/2004	Huế	Nữ	3,69	Xuất sắc
268	5	22D4080024	Nguyễn Thị Thanh Nhã	16/5/2004	Huế	Nữ	3,37	Giỏi
269	6	22D4080027	Lê Đức Khả Oanh	09/8/2004	Huế	Nữ	3,63	Xuất sắc
270	7	22D4080032	Hoàng Trọng Minh Thục	21/6/2004	Huế	Nam	3,59	Giỏi
271	8	22D4080034	Vương Thị Kiều Ngân	28/5/2004	Quảng Nam	Nữ	3,62	Xuất sắc
Ngành Quản trị khách sạn, khóa 2022 - 2026								
272	1	22D4050003	Nguyễn Thị Như Kiều Anh	30/8/2004	Huế	Nữ	2,80	Khá

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (trước ngày 01/7/2025)	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại
273	2	22D4050007	Lê Thị Ngọc	Ánh	05/10/2004	Huế	Nữ	2,97	Khá
274	3	22D4050012	Dương Lan	Chi	15/7/2004	Quảng Trị	Nữ	2,83	Khá
275	4	22D4050017	Châu Thị Thuý	Diễm	18/10/2004	Quảng Nam	Nữ	2,79	Khá
276	5	22D4050020	Phạm Thị Kiều	Dung	28/12/2004	Đà Nẵng	Nữ	2,50	Khá
277	6	22D4050022	Nguyễn Thị Thuý	Dương	16/10/2004	Huế	Nữ	2,93	Khá
278	7	22D4050030	Trương Thị Thu	Hằng	16/8/2004	Huế	Nữ	3,49	Giỏi
279	8	22D4050038	Trần Thị Diệu	Hương	24/01/2004	Huế	Nữ	3,61	Xuất sắc
280	9	22D4050042	Hoàng Thị Thu	Hương	01/12/2004	Huế	Nữ	2,86	Khá
281	10	22D4050047	Đỗ Văn	Lai	31/7/2004	Huế	Nam	2,57	Khá
282	11	22D4050050	Võ Thị Mỹ	Liên	11/6/2004	Huế	Nữ	2,84	Khá
283	12	22D4050055	Lê Cẩm Khánh	Linh	15/5/2004	Huế	Nữ	2,85	Khá
284	13	22D4050057	Nguyễn Thị Kim	Loan	24/12/2003	Huế	Nữ	2,95	Khá
285	14	22D4050070	Ngô Trần Thảo	Nguyên	12/01/2004	Huế	Nữ	2,83	Khá
286	15	22D4050072	Lê Thị Thanh	Nhàn	10/9/2004	Quảng Trị	Nữ	2,54	Khá
287	16	22D4050082	Nguyễn Thị Yến	Nhi	03/11/2004	Huế	Nữ	3,02	Khá
288	17	22D4050083	Huỳnh Thị	Như	09/10/2003	Huế	Nữ	2,99	Khá
289	18	22D4050085	Trần Thị Kiều	Oanh	19/4/2004	Huế	Nữ	3,40	Giỏi
290	19	22D4050093	Nguyễn Thị Mỹ	Quyên	21/7/2004	Huế	Nữ	2,82	Khá
291	20	22D4050094	Đinh Thị Bảo	Quyên	01/3/2004	Huế	Nữ	3,29	Giỏi
292	21	22D4050100	Nguyễn Thị Hoài	Tâm	28/6/2004	Huế	Nữ	3,30	Giỏi

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (trước ngày 01/7/2025)	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại
293	22	22D4050105	Trần Văn Thành	25/9/2004	Huế	Nam	3,41	Giỏi
294	23	22D4050108	Đoàn Diệu Thi	25/11/2004	Huế	Nữ	3,49	Giỏi
295	24	22D4050109	Hồ Thị Minh Thi	20/01/2004	Huế	Nữ	3,00	Khá
296	25	22D4050126	Huỳnh Thị Thuỳ Trang	20/6/2004	Huế	Nữ	2,85	Khá
297	26	22D4050127	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	30/4/2004	Quảng Trị	Nữ	3,29	Giỏi
298	27	22D4050131	Ngô Thị Tuyết Trinh	12/3/2004	Huế	Nữ	2,89	Khá
299	28	22D4050132	Phạm Thị Trúc	04/5/2004	Huế	Nữ	4,00	Xuất sắc
300	29	22D4050133	Nguyễn Thị Thanh Trúc	03/8/2004	Huế	Nữ	2,68	Khá
301	30	22D4050138	Trần Thị Ty	27/7/2004	Huế	Nữ	2,97	Khá
302	31	22D4050140	Võ Thị Na Vi	09/02/2004	Quảng Nam	Nữ	2,92	Khá
303	32	22D4050145	Phan Thị Kim Anh	10/9/2004	Huế	Nữ	2,68	Khá
304	33	22D4050148	Nguyễn Thị Kim Anh	28/01/2004	Đà Nẵng	Nữ	3,31	Giỏi
305	34	22D4050149	Nguyễn Thị Quỳnh Duyên	11/7/2004	Huế	Nữ	2,92	Khá
306	35	22D4050150	Lê Thị Mỹ Duyên	06/8/2004	Quảng Nam	Nữ	2,68	Khá
307	36	22D4050151	Võ Thị Hương Giang	02/3/2004	Huế	Nữ	2,61	Khá
308	37	22D4050155	Lê Thục Hiếu	17/12/2004	Huế	Nữ	3,07	Khá
309	38	22D4050157	Phan Thị Thu Hòa	16/01/2004	Bình Định	Nữ	3,87	Xuất sắc
310	39	22D4050160	Võ Thị Ngọc Huyền	27/8/2004	Huế	Nữ	3,76	Xuất sắc
311	40	22D4050163	Phạm Thị Kim Kiều	29/3/2004	Quảng Nam	Nữ	3,34	Giỏi
312	41	22D4050164	Phạm Thị Mỹ Lành	05/7/2004	Huế	Nữ	3,21	Khá

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (trước ngày 01/7/2025)	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại
313	42	22D4050176	Lê Quý Tài	Nguyên	03/3/2002	Huế	Nam	2,60	Khá
314	43	22D4050179	Đỗ Thị Lương	Nhi	18/8/2004	Huế	Nữ	2,88	Khá
315	44	22D4050180	Trần Thị Yến	Nhi	16/5/2004	Huế	Nữ	3,04	Khá
316	45	22D4050181	Lê Phương	Nhi	04/12/2004	Huế	Nữ	2,99	Khá
317	46	22D4050184	Nguyễn Quỳnh	Như	10/6/2004	Quảng Trị	Nữ	3,44	Giỏi
318	47	22D4050185	Nguyễn Thị Lin	Ny	27/6/2004	Huế	Nữ	3,31	Giỏi
319	48	22D4050186	Phạm Thị Kim	Oanh	04/5/2004	Huế	Nữ	2,46	Trung bình
320	49	22D4050189	Trịnh Thị Mai	Phuong	15/4/2004	Quảng Ngãi	Nữ	3,43	Giỏi
321	50	22D4050192	Hồ Đắc Huyền	Sương	21/8/2004	Huế	Nữ	3,54	Giỏi
322	51	22D4050194	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	15/6/2004	Huế	Nữ	2,96	Khá
323	52	22D4050199	Lê Thị Phương	Thảo	18/6/2004	Huế	Nữ	2,71	Khá
324	53	22D4050205	Hà Thị Bảo	Thy	08/02/2004	Huế	Nữ	3,37	Giỏi
325	54	22D4050207	Trương Thế	Tiến	11/10/2004	Huế	Nam	3,63	Xuất sắc
326	55	22D4050210	Lê Đình Phương	Trúc	01/11/2003	Huế	Nữ	3,29	Khá
327	56	22D4050212	Trần Thị Quỳnh	Vi	05/11/2004	Huế	Nữ	3,11	Khá
328	57	22D4050215	Lê Thị Yến	Vy	07/4/2004	Huế	Nữ	3,04	Khá
329	58	22D4050217	Hồ Thị	Yến	01/7/2004	Huế	Nữ	2,81	Khá
330	59	22D4050221	Phạm Bích	Ngọc	17/6/2004	Hồ Chí Minh	Nữ	2,66	Khá
331	60	22D4050230	Trần Văn	Hoàng	16/3/2004	Thanh Hóa	Nam	3,36	Giỏi
Ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, khóa 2022 - 2026									

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (trước ngày 01/7/2025)	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại
332	1	22D4060013	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	24/6/2004	Quảng Trị	Nữ	2,86	Khá
333	2	22D4060033	Hồ Thị Hồng Nhung	13/6/2004	Huế	Nữ	3,44	Giỏi
334	3	22D4060044	Văn Thị Tố Tâm	09/6/2004	Quảng Nam	Nữ	3,56	Giỏi
335	4	22D4060049	Trần Thị Anh Thy	02/6/2004	Quảng Nam	Nữ	3,05	Khá
336	5	22D4060069	Hồ Thị Kim Huyền	18/9/2004	Huế	Nữ	3,30	Giỏi
337	6	22D4060072	Phan Mỹ Linh	21/5/2004	Huế	Nữ	3,14	Khá
338	7	22D4060093	Lê Thị Ánh Tuyết	25/7/2004	Huế	Nữ	2,84	Khá

Tổng số danh sách này có 338 sinh viên./.